

QUYẾT ĐỊNH

**về việc Ban hành Bản mô tả chương trình đào tạo
ngành Y học dự phòng trình độ đại học**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC

Căn cứ Nghị định 31/CP ngày 04/04/1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định 2424/QĐ-ĐHTN, ngày 22/10/2015 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên về việc Ban hành Quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Đại học Thái Nguyên, các cơ sở giáo dục đại học thành viên và đơn vị trực thuộc;

Căn cứ Quyết định 560/QĐ-ĐHYD, ngày 06/4/2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược - Đại học Thái Nguyên về việc Ban hành Quy chế tổ chức hoạt động của Trường Đại học Y Dược - Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT, ngày 16 tháng 04 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Thông tư số 24/2017/TT-BGDĐT, ngày 10 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ đại học;

Theo đề nghị của Trường phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

- Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Bản mô tả chương trình đào tạo ngành Y học dự phòng trình độ đại học hệ chính quy.
- Điều 2.** Chương trình này được áp dụng trong Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên từ năm học 2019 - 2020.
- Điều 3.** Các Khoa - Bộ môn căn cứ vào Chương trình được ban hành, tổ chức biên soạn giáo trình, tài liệu giảng dạy và học tập cho phù hợp.
- Điều 4.** Các ông (bà) Trưởng các Phòng chức năng, các Khoa - Bộ môn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Lưu VT, Đào tạo.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Nguyễn Tiến Dũng

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tên trường/cơ sở cấp bằng: Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên

2. Cơ sở đào tạo, giảng dạy: Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên

3. Tên chương trình đào tạo: Ngành Y học dự phòng trình độ đại học

4. Thông tin chi tiết về các chứng nhận kiểm định được cấp bởi các tổ chức nghề nghiệp hay cơ quan có thẩm quyền: Trường đã được cấp Giấy chứng nhận cơ sở giáo dục đạt tiêu chuẩn chất lượng theo Quyết định số 128/QĐ-HĐKĐCLGD ngày 25/12/2017 của Giám đốc Trung tâm kiểm định chất lượng - Hiệp hội Các trường đại học, cao đẳng Việt Nam.

5. Trình độ đào tạo: Đại học

6. Ngành đào tạo: Y học dự phòng

7. Mã ngành đào tạo: 7720110

II. MỤC TIÊU TỔNG QUÁT

Đào tạo Bác sĩ y học dự phòng có y đức, có kiến thức khoa học cơ bản, khoa học xã hội, y học cơ sở vững chắc, kiến thức và kỹ năng cơ bản về y học dự phòng để xác định đề xuất và tham gia giải quyết có hiệu quả các vấn đề về y học dự phòng, đáp ứng nhu cầu chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân. Mục tiêu của chương trình đào tạo được xây dựng phù hợp với Tâm nhìn – Sứ mạng của trường, tương thích, phù hợp với Chiến lược phát triển của Nhà trường, nhằm bồi dưỡng con người và phát triển nghiên cứu khoa học mang tính ứng dụng đáp ứng các nhu cầu xã hội.

III. CHUẨN ĐẦU RA

Yêu cầu về kiến thức

1. Vận dụng được đường lối chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước trong công tác chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân.

2. . Vận dụng được những kiến thức về y tế công cộng để chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân

3. Vận dụng được những kiến thức về khoa học cơ bản, y dược học cơ sở, và y học lâm sàng trong bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe cho cá nhân, gia đình và cộng đồng.

4. Vận dụng được kiến thức y học cổ truyền, kết hợp với y học hiện đại trong công tác chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe cộng đồng.

5. Vận dụng được phương pháp luận nghiên cứu khoa học trong thực hành nghề nghiệp

6. Vận dụng được các kiến thức về kinh tế, văn hóa - xã hội đặc thù ở khu vực miền núi trong chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe cộng đồng.

2. Yêu cầu về kỹ năng

Kỹ năng cứng

7. Thực hiện thành thạo các kỹ năng truyền thông giáo dục sức khỏe để bảo vệ, nâng cao sức khỏe cho cá nhân và cộng đồng và nâng cao sức khỏe nhân dân.

8. Xác định được các vấn đề sức khỏe cộng đồng và lựa chọn được vấn đề sức khỏe ưu tiên.

9. Lập được kế hoạch để giải quyết vấn đề sức khỏe cộng đồng.

10. Giám sát, đánh giá được các hoạt động của các chương trình y tế triển khai tại địa phương.

11. Phát hiện, tổ chức phòng chống và giám sát dịch bệnh tại địa phương có hiệu quả.

12. Chẩn đoán, điều trị, xử trí, theo dõi và dự phòng được một số bệnh thường gặp và cấp cứu thông thường.

14. Phát hiện được những ca bệnh vượt quá khả năng chuyên môn của bản thân và cơ sở chăm sóc y tế để chuyển tuyến kịp thời.

15. Thực hiện được các hoạt động nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực y học.

Kỹ năng mềm

16. Sử dụng được tiếng Anh trong thực hành nghề nghiệp.

17. Phối hợp tốt với đồng nghiệp và cộng đồng để triển khai các hoạt động nghề nghiệp.

18. Giao tiếp có hiệu quả với đồng nghiệp, người bệnh và cộng đồng.

19. Chủ động, tích cực học tập để hoàn thiện các kỹ năng học tập suốt đời.

3. Yêu cầu về thái độ

20. coi trọng công tác y học dự phòng trong chiến lược chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân.

21. Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân, tôn trọng, cảm thông và hết lòng phục vụ người bệnh.

22. Tôn trọng luật pháp, thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ và những yêu cầu nghề nghiệp.

23. Trung thực, khách quan, có tinh thần nghiên cứu khoa học và ý thức học tập phát triển nghề nghiệp suốt đời.

24. Tôn trọng sự đa dạng về văn hóa, phong tục tập quán của cộng đồng các dân tộc miền núi trong hoạt động nghề nghiệp.

IV. VỊ TRÍ LÀM VIỆC CỦA NGƯỜI HỌC SAU TỐT NGHIỆP

1. Trung tâm y tế dự phòng, các cơ sở y tế thuộc lĩnh vực y học dự phòng.

2. Các cơ quan quản lý nhà nước về y tế.

3. Các trường Đại học, Cao đẳng, Trung cấp y tế, Viện nghiên cứu, các tổ chức phi chính phủ.

V. KHẢ NĂNG HỌC TẬP NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ SAU KHI RA TRƯỜNG

1. Bác sĩ chuyên khoa cấp I

2. Thạc sĩ Y học dự phòng

3. Tiến sĩ Y học dự phòng, Tiến sĩ y tế công cộng, Tiến sĩ y học

VI. THÔNG TIN TUYỂN SINH, QUY TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

1. Thông tin tuyển sinh

Căn cứ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và thông báo, hướng dẫn của Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên (<https://tump.edu.vn/tuyen-sinh>).

- Địa chỉ trang web: <http://tump.edu.vn> hoặc <http://tuyensinh.tump.edu.vn>

- Email tuyển sinh: tuyensinhDTY@tump.edu.vn

2. Tuyển sinh chính quy

- Đối tượng tuyển sinh

Thí sinh đã tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) và có đủ sức khoẻ để học tập theo quy định hiện hành.

- **Phạm vi tuyển sinh:** Tuyển sinh trong cả nước.

- **Phương thức tuyển sinh:** Theo đề án tuyển sinh hàng năm của Trường.

- **Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển (ĐKXT)**

Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ ĐKXT được thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- **Tổ chức tuyển sinh:** Theo quy định tại Quy chế tuyển sinh và kế hoạch tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

5. Điều kiện xét và công nhận tốt nghiệp

Những sinh viên có đủ điều kiện sau thì được xét tốt nghiệp:

- Được công nhận là SV hệ chính quy tập trung của Trường theo đúng ngành cấp bằng;
- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp, không bị truy cứu trách nhiệm hình sự, hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.
- Tích lũy đủ số học phần và số tín chỉ quy định trong chương trình đào tạo;
- Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên;
- Có chứng chỉ giáo dục quốc phòng an ninh và giáo dục thể chất;
- Đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ.

VII. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

Cấu trúc chương trình đảm bảo sự sắp xếp hợp lý, cân bằng ở từng học kỳ của năm học và từng khối kiến thức. Chương trình bố trí các môn học từ cơ bản đến nâng cao nhằm đảm bảo kiến thức được liên tục, mức độ tăng dần và đủ thời gian tích lũy kiến thức, rèn luyện kỹ năng, đạo đức, thái độ cần thiết để làm việc. Đồng thời chương trình cũng được thiết kế bảo đảm tính chuyên sâu cho từng lĩnh vực chuyên ngành và có khả năng mở rộng cho nhiều chuyên ngành khác nhau.

Nội dung chương trình bao gồm các khối kiến thức cơ bản, cơ sở ngành, chuyên ngành tốt nghiệp có mức độ tăng dần được giảng dạy trong các môn học, đồng thời giúp người học nâng cao thêm các kỹ năng mềm, kỹ năng tin học, ngoại ngữ,... rèn luyện được tác phong, kỷ luật, an toàn lao động khi làm việc.

1. Cấu trúc kiến thức của chương trình

| TT | Khối lượng học tập | Tổng số tín chỉ | Số giờ tín chỉ | | Tỷ lệ % |
|-------------|--|-----------------|----------------|-------------|---------|
| | | | LT | TH | |
| 1 | Khối kiến thức giáo dục đại cương (<i>trừ GDTC và GDQP-AN</i>) | 41 | 525 | 180 | 22,52 |
| 2 | Khối kiến thức cơ sở ngành | 52 | 435 | 690 | 28,57 |
| 3 | Khối kiến thức chuyên ngành | 85 | 600 | 1350 | 46,70 |
| 5 | Thực tập tốt nghiệp | 4 | 0 | 120 | 2,21 |
| Tổng | | 182 | 1560 | 2340 | |

- 01 tín chỉ tương đương 15 tiết lý thuyết, 30 tiết thực tập tại các phòng thí nghiệm, 45 tiết thực tập tại bệnh viện, 60 tiết thực tập cộng đồng, giáo dục quốc phòng.

2. Khung chương trình đào tạo

| STT | Mã số | Học phần | Số tín chỉ | Số giờ tín chỉ | | | Mã HP tiên quyết | Mã HP học trước | Học kỳ |
|--------------------------------------|---------|--------------------------------|------------|----------------|-----------|--------|------------------|-----------------|--------|
| | | | | Lý thuyết | Thực hành | Tự học | | | |
| I. Khối kiến thức chung | | | | | | | | | |
| 1 | MIE 141 | Giáo dục quốc phòng - An ninh | 4 | 0 | 120 | | | | 1 |
| 2 | PHE121 | Giáo dục thể chất 1 | 2 | 0 | 60 | | | | 2 |
| 3 | PHE112 | Giáo dục thể chất 2 | 1 | 0 | 30 | | | | 3 |
| 4 | PLM131 | Triết học Mác-Lê Nin | 3 | 45 | 0 | | | | 2 |
| 5 | PEM121 | Kinh tế chính trị Mác - Lê Nin | 2 | 30 | 0 | PLM131 | | | 4 |
| 6 | SSO121 | Chủ nghĩa xã hội khoa học | 2 | 30 | 0 | PEM121 | | | 6 |
| 7 | VCP121 | Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam | 2 | 30 | 0 | SSO121 | | | 7 |
| 8 | BLW121 | Pháp luật đại cương | 2 | 30 | 0 | | | | 9 |
| 9 | HCM121 | Tư tưởng Hồ Chí Minh | 2 | 30 | 0 | VCP121 | | | 8 |
| 10 | MGE131 | Di truyền y học | 3 | 30 | 30 | | | | 1 |
| 11 | CHE131 | Hóa ĐC-VC | 3 | 30 | 30 | | | | 1 |
| 12 | GI131 | Tin học đại cương | 3 | 15 | 60 | | | | 1 |
| 13 | ENG131 | Tiếng Anh 1 | 3 | 45 | 0 | | | | 1 |
| 14 | MPH131 | Vật lý-Lý sinh | 3 | 30 | 30 | | | | 2 |
| 15 | PRO121 | Xác suất thống kê trong y học | 2 | 30 | 0 | | | | 2 |
| 16 | ENG132 | Tiếng Anh 2 | 3 | 45 | 0 | ENG131 | | | 2 |
| 17 | ENG133 | Tiếng Anh 3 | 3 | 45 | 0 | ENG132 | | | 3 |
| 18 | ENG134 | Tiếng Anh 4 | 3 | 45 | 0 | ENG134 | | | 4 |
| 19 | AIF521 | Tin học ứng dụng | 2 | 15 | 30 | GIF131 | | | 9 |
| 2. Khối kiến thức cơ sở ngành | | | | | | | | | |
| 20 | ANA231 | Giải phẫu 1 | 3 | 15 | 60 | | | | 2 |
| 21 | HIS231 | Mô phôi | 3 | 30 | 30 | | | | 3 |

| STT | Mã số | Học phần | Số tín chỉ | Số giờ tín chỉ | | | Mã HP tiên quyết | Mã HP học trước | Học kỳ |
|-----|--|---------------------------------|------------|----------------|-----------|--------|---|-----------------|--------|
| | | | | Lý thuyết | Thực hành | Tự học | | | |
| 22 | PHI231 | Ký sinh trùng | 3 | 30 | 30 | | | 3 | |
| 23 | PRA231 | Sinh lý 1 | 3 | 30 | 30 | | | 3 | |
| 24 | FNU221 | Điều dưỡng cơ bản | 2 | 15 | 30 | | | 4 | |
| 25 | BIC231 | Hóa sinh | 3 | 30 | 30 | | | 4 | |
| 26 | PSE221 | Tâm lý y đức | 2 | 30 | 0 | | | 4 | |
| 27 | MIC221 | Vi sinh | 3 | 30 | 30 | | | 4 | |
| 28 | EEC241 | Khoa học môi trường sinh thái | 4 | 30 | 60 | | | 5 | |
| 29 | IMU221 | Miễn dịch | 2 | 15 | 30 | | PHI231 | 4 | |
| 30 | PPA231 | Sinh lý bệnh | 3 | 30 | 30 | | PHI231 | 5 | |
| 31 | NFS221 | Dinh dưỡng và ATTP 1 | 2 | 15 | 30 | | | 5 | |
| 32 | PHA231 | Dược lý 1 | 3 | 30 | 30 | | | 5 | |
| 33 | APA231 | Giải phẫu bệnh | 3 | 30 | 30 | | HIS231, ANA231 | 6 | |
| 34 | STR231 | Huấn luyện kỹ năng | 3 | 0 | 90 | | | 5 | |
| 35 | HMP221 | TCQLYT-CTYTQG-DS | 2 | 30 | 0 | | | 5 | |
| 36 | PMP421 | Thực tập YHDP1 | 2 | 0 | 60 | | HMP22,EEC241, COM221, NFS221 | 6 | |
| 37 | COM221 | TTGD và nâng cao SK | 2 | 15 | 30 | | | 5 | |
| 38 | RME221 | Phương pháp nghiên cứu khoa học | 2 | 15 | 30 | | | 7 | |
| 39 | IDI521 | Chẩn đoán hình ảnh | 2 | 15 | 30 | | SUR323, SUR334, PED331, PED342, IME323, IME344, OGY331, OGY342 | 11 | |
| 3 | Khối kiến thức chuyên ngành 85 TC | | | | | | | | |
| 40 | SUR321 | Ngoại cơ sở lý thuyết | 2 | 30 | 0 | | STR231 | 6 | |
| 41 | SUR322 | Ngoại cơ sở thực hành | 2 | 0 | 60 | | STR231 | 6 | |
| 42 | IME321 | Nội cơ sở lý thuyết | 2 | 30 | 0 | | STR231 | 6 | |
| 43 | IME 322 | Nội cơ sở thực hành | 2 | 0 | 60 | | STR231 | 6 | |
| 44 | CHR331 | Nghiên cứu sức khỏe cộng đồng | 3 | 30 | 30 | | | 9 | |
| 45 | SUR323 | Ngoại bệnh lý thuyết 1 | 2 | 30 | 0 | | SUR322, SUR321 | 7 | |
| 46 | IME323 | Nội bệnh lý thuyết 1 | 2 | 30 | 0 | | IME321, IME322 | 7 | |
| 47 | SUR344 | Ngoại bệnh thực hành 1 | 4 | 0 | 120 | | SUR321, SUR322 | 7 | |
| 48 | IME344 | Nội bệnh thực hành 1 | 4 | 0 | 120 | | IME322, IME321 | 7 | |
| 49 | EPI331 | Dịch tễ 1 | 3 | 30 | 30 | | MIC231 | 8 | |

| STT | Mã số | Học phần | Số tín chỉ | Số giờ tín chỉ | | | Mã HP tiên quyết | Mã HP học trước | Học kỳ |
|----------------------------------|--------|----------------------------|------------------|----------------|--------------|-----------|--|--------------------------|-----------|
| | | | | Lý thuyết | Thực hành | Tự học | | | |
| 50 | PED331 | Nhi khoa lý thuyết 1 | 3 | 45 | 0 | | STR231 | | 8 |
| 51 | PED342 | Nhi khoa thực hành 1 | 4 | 0 | 120 | | STR231 | | 8 |
| 52 | OGY331 | Sản khoa lý thuyết 1 | 3 | 45 | 0 | | STR231 | | 8 |
| 53 | OGY342 | Sản khoa thực hành 1 | 4 | 0 | 120 | | STR231 | | 8 |
| 54 | INF321 | Truyền nhiễm | 2 | 15 | 30 | | SUR323, SUR344, PED331, PED342, IME323, IME344, OGY331, OGY342, EPI331 | | 9 |
| 55 | OPH321 | Mắt | 2 | 15 | 30 | | | | 9 |
| 56 | ENT321 | Tai mũi họng | 2 | 15 | 30 | | | | 9 |
| 57 | EHE331 | Sức khỏe môi trường 1 | 3 | 30 | 30 | | | | 10 |
| 58 | OCH331 | Sức khỏe nghề nghiệp 1 | 3 | 30 | 30 | | | 10 | |
| 59 | PMP422 | Thực tập YHDP2 | 2 | 0 | 60 | | PMP421, EPI331 | | 10 |
| 60 | TPD321 | Lao và bệnh phổi | 2 | 15 | 30 | | SUR323, SUR344, PED331, PED342, IME323, IME344, OGY331, OGY342 | | 10 |
| 61 | PSY321 | Sức khỏe tâm thần | 2 | 15 | 30 | | | | 10 |
| 62 | EPI332 | Dịch tễ 2 | 3 | 15 | 60 | | EPI331 | | 11 |
| 63 | EHE322 | Sức khỏe môi trường 2 | 2 | 15 | 30 | | EHE331 | | 11 |
| 64 | OCH322 | Sức khỏe nghề nghiệp 2 | 2 | 15 | 30 | | OCH331 | | 11 |
| 65 | NFS342 | Dinh dưỡng và ATTP 2 | 4 | 30 | 60 | | NFS221 | | 11 |
| 66 | DER521 | Da liễu | 2 | 15 | 30 | | SUR323, SUR344, PED331, PED342, IME323, IME344, OGY331, OGY342 | | 9 |
| 67 | ANE521 | Gây mê hồi sức | 2 | 15 | 30 | | | | 11 |
| 68 | FME521 | Pháp y | 2 | 15 | 30 | | | | 9 |
| 69 | TJF521 | Răng hàm mặt | 2 | 15 | 30 | | | | 10 |
| 70 | NEU521 | Thần kinh | 2 | 15 | 30 | | | | 10 |
| 71 | TME521 | Y học cổ truyền | 2 | 15 | 30 | | | | 10 |
| 72 | ONC521 | Ung thư | 2 | 15 | 30 | | | | 9 |
| 73 | HEI521 | Kinh tế y tế-Bảo hiểm y tế | 2 | 15 | 30 | | | 11 | |
| 4. Thực tập và tốt nghiệp | | | | | | | | | |
| 74 | PMP443 | Thực tập YHDP3 | 4 | 0 | 120 | | Tất cả các HP | | 12 |
| | | Tổng | 182 | 1560 | 2340 | | | | |

VIII. MÔ TẢ NỘI DUNG CÁC HỌC PHẦN

1. Giáo dục quốc phòng-An ninh

Học phần Giáo dục quốc phòng gồm 4 tín chỉ thực hành, được dạy và học ở học kỳ 1 năm học thứ nhất.

Phần I: Đường lối quân sự của Đảng

Học phần đề cập lý luận cơ bản của Đảng về đường lối quân sự, bao gồm: những vấn đề cơ bản Học thuyết Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; các quan điểm của Đảng về chiến tranh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang, nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; các quan điểm của Đảng về kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh. Học phần giành thời lượng nhất định giới thiệu một số nội dung cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam qua các thời kỳ.

Phần II: Công tác quốc phòng, an ninh

Học phần gồm những nội dung cơ bản nhiệm vụ công tác quốc phòng - an ninh của Đảng, Nhà nước trong tình hình mới, bao gồm: xây dựng lực lượng dân quân, tự vệ, lực lượng dự bị động viên, tăng cường tiềm lực cơ sở vật chất, kỹ thuật quốc phòng, phòng chống chiến tranh công nghệ cao, đánh bại chiến lược "diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam. Học phần đề cập một số vấn đề về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; xây dựng, bảo vệ chủ quyền biên giới, chủ quyền biển đảo, an ninh quốc gia, đấu tranh phòng chống tội phạm và giữ gìn trật tự an toàn xã hội.

Phần III: Quân sự chung

Học phần lý thuyết kết hợp với thực hành nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về bản đồ, địa hình quân sự, các phương tiện chỉ huy để phục vụ cho nhiệm vụ học tập chiến thuật và chỉ huy chiến đấu; tính năng, tác dụng, cấu tạo, sử dụng, bảo quản các loại vũ khí bộ binh AK, CKC, RPĐ, RPK, B40, B41; đặc điểm tính năng, kỹ thuật sử dụng thuốc nổ; phòng chống vũ khí hạt nhân, hóa học, sinh học, vũ khí lửa; vết thương chiến tranh và phương pháp xử lý; luyện tập đội hình lớp, khối. Nội dung gồm: đội ngũ đơn vị; sử dụng bản đồ, địa hình quân sự, một số loại vũ khí bộ binh; thuốc nổ; phòng chống vũ khí hủy diệt lớn; cấp cứu ban đầu các vết thương. Học phần giành thời gian giới thiệu 3 môn quân sự phối hợp để sinh viên tham gia hội thao điền kinh, thể thao quốc phòng.

Phần IV: Chiến thuật và Kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK

Học phần lý thuyết kết hợp với thực hành nhằm trang bị cho sinh viên một số kỹ năng cơ bản thực hành bắn súng tiểu liên AK và luyện tập bắn súng AK bài 1b; huấn luyện những động tác cơ bản chiến thuật chiến đấu bộ binh: các tư thế vận động trên chiến trường, cách quan sát phát hiện mục tiêu, lợi dụng địa hình, địa vật, hành động của cá nhân trong công sự, ngoài công sự trong chiến đấu tiến công và phòng ngự. Nội dung gồm: Kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK; từng người trong chiến đấu tiến công; từng người trong chiến đấu phòng ngự.

2. Giáo dục thể chất 1

Học phần Giáo dục thể chất 1 gồm 2 tín chỉ thực hành, được dạy và học ở học kỳ 2 năm học thứ nhất. Học phần Giáo dục thể chất 1 gồm 02 môn thể thao đó là nhảy cao và bóng chuyền, do vậy học phần này sẽ gồm các kỹ thuật của môn nhảy cao và các kỹ thuật của môn bóng chuyền: Bộ môn Giáo dục thể chất trường Đại học Y - Dược Thái Nguyên tiến hành giảng dạy động tác kỹ thuật, chiến thuật và một số luật của môn nhảy cao, môn bóng chuyền nhằm nâng cao thể chất, tính linh hoạt cũng như

lòng dũng cảm cho sinh viên. Giảng viên thuyết trình, thị phạm động tác kỹ thuật, quan sát hướng dẫn và sửa sai cho sinh viên.

3. Giáo dục thể chất 2

Học phần Giáo dục thể chất 2 gồm 1 tín chỉ thực hành, được dạy và học ở học kỳ 1 của năm học thứ hai. Học phần này sinh viên học phần bóng rổ. Bóng rổ là một môn thể thao thi đấu đối kháng trực tiếp, các vận động viên sử dụng các động tác kỹ thuật để tấn công đưa bóng vào rổ của đối phương. Bộ môn Giáo dục thể chất trường Đại học Y Dược Thái Nguyên tiến hành giảng dạy cho sinh viên các kỹ thuật, chiến thuật và một số luật của bóng rổ, nhằm nâng cao thể chất cũng như sự hiểu biết cho sinh viên về môn bóng rổ. Giảng viên thuyết trình, thị phạm động tác kỹ thuật, quan sát hướng dẫn và sửa sai cho sinh viên. Sinh viên chú ý nghe giảng.

4. Triết học Mác - Lênin

Học phần Triết học Mác – Lênin gồm 3 tín chỉ, được dạy và học ở học kỳ 2 của năm học thứ nhất. Đây là học phần bắt buộc, học phần tiên quyết cho các học phần lý luận chính trị khác. Ngoài phần mở đầu, học phần gồm 3 chương cung cấp cho sinh viên những quan điểm cơ bản về thế giới quan và phương pháp luận chung nhất, bao gồm những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng với tư cách là hạt nhân lý luận của thế giới quan khoa học; phép biện chứng duy vật với tư cách là khoa học về mối liên hệ phổ biến và sự phát triển, về những quy luật chung nhất của sự vận động, phát triển của tự nhiên, xã hội, tư duy; chủ nghĩa duy vật lịch sử với tư cách là sự vận dụng, phát triển chủ nghĩa duy vật và phép biện chứng vào việc nghiên cứu các lĩnh vực của đời sống xã hội.

5. Kinh tế chính trị Mác-Lênin

Môn học gồm 2 tín chỉ, được dạy và học ở học kỳ 4 (năm thứ hai). Nội dung học phần gồm 6 chương, trong đó chương 1 bàn về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mac-Lênin. Từ chương 2 đến chương 6 bàn về nội dung cốt lõi của kinh tế chính trị Mac-Lênin theo mục tiêu môn học. Cụ thể: hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường, sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường, cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường, kinh tế thị trường định hướng XHCN và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam, công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

6. Chủ nghĩa xã hội khoa học

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học thuộc khối kiến thức cơ bản được dạy - học ở năm học 3 (kỳ học 6) của CTĐT. Học phần trang bị cho người học những nội dung cơ bản của Chủ nghĩa xã hội khoa học như Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên CNXH, Dân chủ XHCN và nhà nước XHCN; Cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp, trong thời kỳ quá độ lên CNXH; Vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên CNXH, vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên CNXH. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là phương pháp thuyết trình, thảo luận, nêu vấn đề. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm kiểm tra và thi tự luận.

7. Lịch sử Đảng cộng sản VN

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam thuộc khối kiến thức cơ bản, được dạy - học ở kỳ học 7 (năm thứ tư) của CTĐT. Học phần trang bị cho người học những kiến thức đại cương, kiến thức cơ bản về quá trình hình thành Đảng Cộng sản Việt Nam; quá trình Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930 - 1945); quá trình Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống Pháp và Mỹ, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945 - 1975); Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (từ năm 1975 đến nay). Các phương pháp dạy - học chủ yếu là phương pháp thuyết trình, thảo luận, nêu vấn đề. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm kiểm tra và thi tự luận.

8. Pháp luật đại cương

Đây là học phần bắt buộc được học ở kỳ 9 (năm thứ 5) của chương trình đào tạo. Học phần cung cấp cho sinh viên những vấn đề lý luận cơ bản của nhà nước và pháp luật, hiểu được những kiến thức pháp lý cơ bản về quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật..., nắm được cấu trúc và hình thức biểu hiện của hệ thống pháp luật Việt Nam, hiểu được khái niệm và nội dung cơ bản của một số ngành luật quan trọng trong hệ thống pháp luật Việt Nam. Học phần gồm 9 chương. Chương 1: Khái quát chung về Nhà nước; Chương 2: Khái quát chung về pháp luật; Chương 3: Hệ thống pháp luật Việt Nam; Chương 4: Luật hiến pháp Việt Nam; Chương 5: Luật hành chính Việt Nam; Chương 6: Luật dân sự Việt Nam; Chương 7: Luật hình sự Việt Nam; Chương 8: Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam; Chương 9: Pháp luật phòng, chống tham nhũng.

9. Tư tưởng Hồ Chí Minh

Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh gồm 2 tín chỉ, được dạy và học ở học kỳ 8 (năm học thứ tư). Đây là học phần bắt buộc. Học phần cung cấp cho người học hệ thống kiến thức về tư tưởng Hồ Chí Minh, từ nguồn gốc hình thành đến những vấn đề cơ bản trong hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh. Đặc biệt giúp cho người học thấy được ý nghĩa to lớn của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với sự nghiệp cách mạng Việt Nam. Ngoài phần mở đầu, nội dung học phần gồm 7 chương. Chương I: Khái quát quá trình hình thành Tư tưởng Hồ Chí Minh; Chương II, III, IV, V, VI làm rõ những nội dung cơ bản của Tư tưởng Hồ Chí Minh như vấn đề dân tộc, giải phóng dân tộc, đạo đức cách mạng, về Chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ lên Chủ nghĩa xã hội, về Đảng Cộng sản Việt Nam, về văn hóa, đạo đức...

10. Di truyền y học

Học phần Di truyền y học gồm 3 tín chỉ (2/1), được dạy và học ở học kỳ 1 năm học thứ nhất. Trong học phần này sinh viên được cập nhật các thông tin mới và đầy đủ nhất về bộ NST, bộ gen con người, các quy luật di truyền: Đơn gen, đa gen, đa alen, giới tính, nguyên lý của một số kỹ thuật di truyền ứng dụng trong y học, bất thường bẩm sinh và tư vấn di truyền y học. Một phần quan trọng của học phần là thực hành. Sinh viên biết cách lập và phân tích sơ đồ phả hệ, sắp xếp bộ NST người, thao tác một số kỹ thuật di truyền ứng dụng trong y học.

11. Hóa đại cương - vô cơ

Học phần Hóa đại cương - vô cơ gồm 3 tín chỉ (2/1), được dạy và học ở học kỳ 1 năm học thứ nhất. Học phần gồm 2 phần: Lý thuyết và thực hành. Sinh viên được học lý thuyết khoa học, bao gồm nhiệt động học và động hóa học, tính chất của dung dịch,

dung dịch chất điện li, những tính chất cơ bản của một số kim loại và phi kim, các hợp chất vô cơ. Phần thực hành tiến hành song song với phần lý thuyết, chứng minh cho lý thuyết. Phần thực hành tiến hành song song với phần lý thuyết. Kết thúc học phần sinh viên có vốn kiến thức cơ bản để học các môn cơ sở ngành như Hóa sinh, Sinh lý...

12. Tin học đại cương

Học phần Tin học đại cương gồm 3 tín chỉ (1/2), được dạy và học ở học kỳ 1 năm học thứ nhất. Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản, cần thiết về máy tính bao gồm một số kiến thức cơ bản như sau: Hệ điều hành Windows, mạng máy tính Internet, hệ soạn thảo văn bản MS Word, bảng tính MS Excel, trình chiếu MS Powerpoint. Ngoài ra, sinh viên còn có khả năng sử dụng máy tính làm công cụ học tập và sưu tầm tài liệu giúp cho hiệu quả học tập được nâng cao hơn.

13. Tiếng Anh 1

Học phần Tiếng Anh 1 gồm 3 tín chỉ lý thuyết, được dạy và học ở học kỳ 1 năm học thứ nhất. Học phần này giúp sinh viên trau dồi các kỹ năng: nghe, nói, đọc, viết và củng cố kiến thức ngữ pháp, từ vựng ở trình độ A2, giúp sinh viên có nền tảng tốt để bắt đầu chương trình học B1 ở các học phần tiếp theo với số lượng 06 bài trong giáo trình English Unlimited (Elementary) với các chủ đề Places, Films, Journeys, Health, Experiences and Choices.

14. Vật lý - Lý sinh

Học phần Vật lý - Lý sinh gồm 3 tín chỉ (2/1), được dạy và học ở học kỳ 2 năm học thứ nhất. Vật lý - Lý sinh là một môn khoa học, sử dụng các kiến thức và quy luật Vật lý để làm sáng tỏ bản chất, cơ chế, động lực của các quá trình sống, nghiên cứu ảnh hưởng và tác động của các tác nhân vật lý lên cơ thể và ứng dụng trong các phương pháp và kỹ thuật y học hiện đại, qua đó giúp người học đánh giá được vai trò và lựa chọn phương pháp điều trị bằng các kỹ thuật có sử dụng tác nhân vật lý trong học tập và thực hành nghề nghiệp sau này. Học phần gồm 2 tín chỉ lý thuyết (trong đó có 6 chương bài lý thuyết), 1 tín chỉ thực hành. Là học phần tiên quyết cho học phần Chẩn đoán hình ảnh và hỗ trợ cho các học phần khác như Sinh lý học, Phục hồi chức năng, Ung thư học,...

15. Xác suất thống kê trong y học

Học phần Xác suất thống kê trong y học gồm 2 tín chỉ lý thuyết, được dạy và học ở học kỳ 2 năm học thứ nhất. Học phần gồm 2 phần: phần Xác suất và phần Thống kê.

+ Khi nghiên cứu phần Xác suất sinh viên sẽ hiểu được tường minh kiến thức về phép thử ngẫu nhiên, biến cố, xác suất của biến cố và các công thức tính xác suất. Từ đó sinh viên có thể đưa ra các lập luận logic trong y học. Đồng thời việc nghiên cứu về đại lượng ngẫu nhiên và một số tham số đặc trưng của đại lượng ngẫu nhiên sẽ giúp cho sinh viên định hướng được các bài toán cần nghiên cứu trong y học.

+ Khi nghiên cứu phần Thống kê sinh viên sẽ hiểu về cách giải quyết các bài toán ước lượng, bài toán kiểm định giả thiết, bài toán tương quan và hồi quy. Khi đó sinh viên sẽ biết cách tiếp cận các lưu trữ và hồi cứu các thông tin lâm sàng trong hồ sơ bệnh án (giấy và điện tử), thư viện, các nguồn thông tin trực tuyến một cách phù hợp, đầy đủ, chính xác đảm bảo tính bảo mật và tính pháp lý. Đồng thời sinh viên biết cách thu thập,

đánh giá và sử dụng được các thông tin y học giá trị và đáng tin cậy trong nước và nước ngoài. Từ đó đưa ra được những đánh giá hay kiểm chứng về hiệu quả của các can thiệp y tế dựa trên bằng chứng khoa học.

16. Tiếng Anh 2

Học phần Tiếng Anh 2 gồm 3 tín chỉ, được dạy và học ở học kỳ 2 năm học thứ nhất.

Học phần này giúp sinh viên trau dồi các kỹ năng: nghe, nói, đọc, viết với số lượng 05 bài trong giáo trình English Unlimited Pre- Intermediate nhằm mở rộng phạm vi kiến thức, diễn đạt ngôn ngữ phù hợp với ngữ cảnh thông qua các hoạt động cá nhân, nhóm, cặp và theo chỉ dẫn của giáo viên trên lớp cũng như tự học.

Nội dung gồm 6 thành tố: Ngữ pháp, từ vựng và 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết.

17. Tiếng Anh 3

Học phần Tiếng Anh 3 gồm 3 tín chỉ, được dạy và học vào kỳ học thứ 3 (năm học thứ hai). Học phần này giúp sinh viên trau dồi các kỹ năng: nghe, nói, đọc, viết với số lượng 05 bài trong giáo trình English Unlimited Pre-intermediate, nhằm mở rộng hơn nữa phạm vi kiến thức, diễn đạt ngôn ngữ phù hợp với ngữ cảnh thông qua các hoạt động cá nhân, nhóm, cặp và theo chỉ dẫn của giáo viên trên lớp cũng như tự học.

Nội dung gồm các thành tố: Ngữ pháp, từ vựng, kỹ năng nghe, nói, đọc viết.

18. Tiếng Anh 4

Học phần Tiếng Anh 4 gồm 3 tín chỉ, được dạy và học ở kỳ học thứ 4 (năm học thứ hai).

Học phần này giúp sinh viên trau dồi các kỹ năng: nghe, nói, đọc, viết của bài thi B1 với số lượng 04 bài trong giáo trình English Unlimited Pre- Intermediate và các bài test luyện thi B1 nhằm mở rộng phạm vi kiến thức, diễn đạt ngôn ngữ phù hợp với ngữ cảnh thông qua các hoạt động cá nhân, nhóm, cặp và theo chỉ dẫn của giáo viên trên lớp cũng như tự học.

Nội dung gồm 6 thành tố: Ngữ pháp, từ vựng, và 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết.

19. Tin học ứng dụng

Học phần giúp cung cấp các kiến thức cơ bản, cần thiết về máy tính bao gồm một số kiến thức cơ bản như sau: Hệ điều hành Windows, mạng máy tính Internet, hệ soạn thảo văn bản MS Word, bảng tính MS Excel, trình chiếu MS Powerpoint.

Ngoài ra, sinh viên còn có khả năng sử dụng máy tính làm công cụ học tập và sưu tầm tài liệu giúp cho hiệu quả học tập được nâng cao hơn.

20. Giải phẫu 1

Học phần Giải phẫu 1 gồm 3 tín chỉ (1/2), được dạy và học ở học kỳ 2 năm học thứ nhất. Học phần này sẽ cung cấp cho sinh viên khối lượng lớn kiến thức về đại cương môn học, các kiến thức cơ bản về các chi tiết giải phẫu chính của các thành phần thuộc hệ thống các cơ quan trong cơ thể: cơ quan vận động (hệ xương khớp, hệ cơ, hệ thần kinh), hô hấp, tiêu hoá, niệu dục. Các kiến thức cơ bản về cấu tạo giải phẫu cơ quan và liên quan tới một số chức năng chính trong cơ thể.

Cung cấp thêm cho sinh viên những kiến thức cơ bản liên quan đến các môn học cơ sở cũng như lâm sàng sau này để áp dụng khi có biểu hiện tổn thương thành phần của các cơ quan để hình thành thái độ của sinh viên trong quá trình học kiến thức.

Các bài giảng sẽ được thuyết trình và thảo luận trên lớp. Trong thời gian học tập học phần này sinh viên sẽ phải làm bài kiểm tra trắc nghiệm lý thuyết vào tuần cuối.

Cuối học phần sinh viên phải thi bằng nhiều hình thức phối hợp để đánh giá được kiến thức, thái độ, kỹ năng: Chạy trạm.

Sinh viên chủ động tham khảo tài liệu trên thư viện, trên mạng Internet và tài liệu do bộ môn cung cấp trước khi lên lớp, học tập đầy đủ cũng như tích cực tham gia thảo luận nhóm.

21. Mô phôi

Môn học gồm 3 tín chỉ: 2 tín chỉ lý thuyết, 1 tín chỉ thực hành; được học ở kỳ học thứ 3 (năm học thứ 2). Mô học là môn hình thái học thuộc khối môn cơ sở y- sinh học, là khoa học nghiên cứu cấu tạo ở mức vi thể, siêu vi thể liên quan hoạt động của các mô cơ quan cơ thể bình thường không có bệnh. Môn học gồm 2 phần là mô đại cương và mô cơ quan.

Phôi thai học: là khoa học nghiên cứu sự phát sinh phát triển bình thường và bất thường của cá thể người. Không có những hiểu biết về nguồn gốc sự biệt hóa của các phôi bào, sự phát triển bình thường của các mô, các cơ quan trong quá trình tạo cá thể, người thầy thuốc không thể hiểu sâu sắc sự phát sinh trong những rối loạn cấu tạo và hoạt động chức năng của các cơ quan bộ phận trong cơ thể người. Phôi thai học còn là khoa học ứng dụng từ các nghiên cứu nguyên nhân, yếu tố, cơ chế gây ra các phát triển bình thường và bất thường đã giúp tìm ra các biện pháp cải tạo ngăn ngừa và phòng chống những nguyên nhân, yếu tố gây vô sinh, thai chết lưu, thai phát triển bất thường quái thai hay mắc các dị tật bẩm sinh...cũng nhờ đó tìm ra các phương pháp chẩn đoán trước sinh và các nỗ lực tìm các biện pháp điều trị sớm như phẫu thuật chữa một số dị tật bẩm sinh, giải quyết vấn đề vô sinh.

Thực hành: quan sát dưới kính hiển vi quang học để nhận biết được các tiêu bản tế bào, mô, bộ phận chủ yếu của các cơ quan.

22. Ký sinh trùng

Học phần Ký sinh trùng gồm 3 tín chỉ (2/1), được dạy và học năm học thứ hai (kỳ học thứ 3).

Phần lý thuyết gồm: Đại cương Ký sinh trùng cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ký sinh trùng: Đặc điểm sinh học, chu kỳ của các loại ký sinh trùng, ảnh hưởng của các yếu tố môi trường đến sự phát triển của ký sinh trùng, đặc điểm dịch tễ các bệnh ký sinh trùng, khả năng gây bệnh của các loại ký sinh trùng, phương pháp chẩn đoán, nguyên tắc điều trị và các biện pháp phòng bệnh ký sinh trùng. Giun sán ký sinh, ký sinh trùng sốt rét, đơn bào ký sinh, vi nấm, tiết túc.

Phần thực hành gồm: Một số kỹ thuật xét nghiệm tìm ký sinh trùng: xét nghiệm máu tìm ký sinh trùng sốt rét, nhuộm tiêu bản máu, xét nghiệm phân tìm ký sinh trùng đường ruột. Các bài nhận biết về hình thể ký sinh trùng: Hình thể giun sán trưởng thành, trứng giun sán, đơn bào, vi nấm, tiết túc, ký sinh trùng sốt rét.

23. Sinh lý 1

Học phần Sinh lý 1 gồm 3 tín chỉ (2/1), được dạy và học kỳ 1 của năm thứ 2. Học phần gồm:

Phần lý thuyết: Sinh lý đại cương đề cập đến các nội dung về đặc điểm cơ thể sống và nội môi; sinh lý tế bào; sinh lý máu và dịch thể; chuyển hóa các chất, chuyển hóa năng lượng; quá trình điều nhiệt trong cơ thể. Sinh lý cơ quan và hệ thống cơ quan và điều hòa hoạt động chức năng bao gồm các nội dung về hoạt động chức năng của các cơ quan trong cơ thể như: hệ tuần hoàn, hô hấp, hệ tiêu hóa, tiết niệu, hệ nội tiết, hệ sinh sản, hệ thần kinh (chức năng vận động).

Phần thực hành: một số các kỹ thuật xét nghiệm máu, nước tiểu một số thực nghiệm chứng minh hoạt động và điều hòa hoạt động của các cơ quan.

24. Điều dưỡng cơ bản

Học phần Điều dưỡng cơ bản gồm 2 tín chỉ (1/1), được dạy và học ở học kỳ 2 của năm học thứ hai. Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức về lịch sử phát triển ngành điều dưỡng và các khái niệm về điều dưỡng, một số quy trình kỹ thuật điều dưỡng cơ bản, các kỹ thuật sơ cứu, cấp cứu ban đầu cho người bệnh. Trang bị cho sinh viên một số kỹ năng thực hành các kỹ thuật, theo dõi, chăm sóc, sơ cứu, cấp cứu ban đầu cho người bệnh.

25. Hóa sinh

Học phần Hóa sinh gồm 3 tín chỉ (2/1), được dạy và học ở học kỳ 2 của năm học thứ hai. Hóa sinh là môn học mô tả cấu tạo và chuyển hóa các chất trong cơ thể, nồng độ các chất đó trong tế bào và dịch sinh vật, cơ chế tạo thành cùng các quá trình vận chuyển các chất, quá trình thoái hóa các chất, sự trao đổi năng lượng để duy trì sự sống. Vì vậy, sinh hóa rất cần thiết cho nhiều ngành: vi sinh vật, sinh vật học, siêu vi trùng học, phôi học, sinh lý học người và thực vật, y học... Chính vì vậy các sinh viên mặc dù đi vào chuyên ngành nào đều cần thiết được trang bị những kiến thức về hóa sinh.

26. Tâm lý y đức

Học phần Tâm lý y đức gồm 2 tín chỉ (2/0), được dạy và học ở học kỳ 2 của năm học thứ hai.

Tâm lý y học: Đề cập đến tâm lý của người khỏe mạnh, tâm lý của người mắc bệnh và cách giao tiếp với các đối tượng bệnh nhân. Phần này cũng đề cập đến cách phòng chống tâm chấn, liệu pháp tâm lý để phục hồi sức khỏe cho các đối tượng bệnh nhân.

Đạo đức y học: Phần này đề cập đến những nguyên lý cơ bản của đạo đức và đạo đức của người cán bộ y tế trong chăm sóc sức khỏe cho nhân dân.

27. Vi sinh

Học phần Vi sinh gồm 3 tín chỉ (2/1), được dạy và học ở học kỳ 2 của năm học thứ hai. Học phần vi sinh cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về vi khuẩn và virus; vai trò của những vi sinh vật này trong quá trình nhiễm trùng; Các cơ chế bảo vệ và chống nhiễm trùng của cơ thể; Cơ chế tác động của kháng sinh lên vi khuẩn và hiện tượng kháng kháng sinh; Tiết trùng và khử trùng trong y học; Nguyên lý và

nguyên tắc sử dụng vaccin, huyết thanh miễn dịch trong phòng và điều trị bệnh nhiễm trùng-truyền nhiễm; Giới thiệu đặc điểm sinh học và khả năng gây bệnh của một số vi khuẩn và virus thường gặp, phương pháp chẩn đoán vi sinh học, nguyên tắc dự phòng và điều trị những bệnh do các vi sinh vật này gây nên. Trang bị cho sinh viên một số kỹ năng cơ bản trong xét nghiệm phát hiện một số vi khuẩn, virus gây bệnh nhiễm trùng - truyền nhiễm thường gặp.

28. Khoa học môi trường sinh thái

Học phần Khoa học môi trường sinh thái thuộc khối kiến thức cơ sở ngành bắt buộc được dạy - học ở kỳ học 5 (năm thứ 3) của CTĐT. Học phần trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm về các quy luật cơ bản về môi trường sinh thái như cấu trúc của hệ sinh thái, đặc điểm của hệ sinh thái, một số hệ sinh thái đặc thù, đa dạng sinh thái. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, case-study, thảo luận nhóm, phân tích vấn đề. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm tự luận, bảng kiểm.

29. Miễn dịch

Học phần Miễn dịch gồm 2 tín chỉ (1/1), được dạy và học ở học kỳ 2 của năm học thứ hai.

Lý thuyết học phần Miễn dịch giới thiệu khái quát các phương thức đáp ứng miễn dịch của cơ thể người (đáp ứng miễn dịch không đặc hiệu và đáp ứng miễn dịch đặc hiệu) thông qua chức năng, hoạt động của các cơ quan và tế bào miễn dịch. Ngoài ra học phần Miễn dịch còn cung cấp các thông tin ứng dụng các kiến thức cơ bản về miễn dịch trong khoa học và đời sống đặc biệt trong chẩn đoán và điều trị bệnh. Cũng trong học phần này, sinh viên được trang bị kiến thức về một số cơ chế bệnh lý rối loạn miễn dịch điển hình: Bệnh lý quá mẫn; Thiếu năng miễn dịch; Bệnh lý tự miễn.

Thực hành Miễn dịch giúp sinh viên hiểu được nguyên lý các kỹ thuật miễn dịch cơ bản, thao tác được 1 số kỹ thuật miễn dịch và phân tích được các kết quả xét nghiệm miễn dịch giúp chẩn đoán cận lâm sàng.

30. Sinh lý bệnh

Học phần Sinh lý bệnh gồm 3 tín chỉ (2/1), được dạy và học ở học kỳ 1 của năm học thứ ba. Lý thuyết của học phần Sinh lý bệnh giới thiệu các khái niệm về bệnh, bệnh nguyên và bệnh sinh, đồng thời trang bị những kiến thức về cơ chế bệnh sinh để giải thích các biểu hiện bệnh lý toàn thân (mất nước, rối loạn điện giải, phù, viêm, sốt, rối loạn acid-base, rối loạn chuyển hóa glucid - lipid - protein) và biểu hiện bệnh lý các cơ quan tạo máu, tuần hoàn, hô hấp, tiêu hóa, gan mật, tiết niệu và nội tiết, nhằm góp phần quan trọng trong dự phòng, chẩn đoán và điều trị sớm các quá trình bệnh lý đem lại sức khỏe cho con người.

Thực tập Sinh lý bệnh là dùng thí nghiệm chứng minh các giả thuyết về bệnh, từ đó rút ra các biện pháp chẩn đoán, phòng và điều trị bệnh. Thực tập Sinh lý bệnh cung cấp cho sinh viên biết cách phân tích, giải thích và chỉ định một số xét nghiệm giúp chẩn đoán và tiên lượng, điều trị bệnh.

31. Dinh dưỡng và ATTP 1

Học phần Dinh dưỡng và an toàn thực phẩm 1 gồm 2 tín chỉ (1/1), được dạy và học ở học kỳ 1 của năm học thứ ba.

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về dinh dưỡng cơ sở gồm có: thành phần, vai trò, nguồn gốc, nhu cầu các chất dinh dưỡng có trong thực phẩm. Đồng thời cung cấp cho sinh viên những kiến thức về phân nhóm thực phẩm và an toàn vệ sinh thực phẩm để có thể tổ chức bữa ăn hợp lý, đề phòng các rối loạn do dinh dưỡng và các bệnh có liên quan. Bên cạnh đó, môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về dinh dưỡng trong điều trị, giúp tư vấn chế độ ăn đúng đắn cho bệnh nhân, hỗ trợ điều trị bệnh.

32. Dược lý 1

Học phần Dược lý 1 gồm 3 tín chỉ (2/1), được dạy và học ở học kỳ 1 của năm học thứ ba.

Học phần cung cấp cho sinh viên một số khái niệm về dược động học của thuốc. Một số các tương tác thuốc - thuốc, thuốc - thức ăn... Cơ chế, tác dụng, tác dụng phụ và áp dụng lâm sàng của các thuốc thiết yếu. Quy chế kê đơn thuốc và cách kê đơn thuốc.

33. Giải phẫu bệnh

Học phần Giải phẫu bệnh là học phần tự chọn gồm 3 tín chỉ (2/1), được dạy và học ở học kỳ 2 của năm học thứ ba.

Giải phẫu bệnh là một trong những môn hình thái học, trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về những biến đổi của tế bào và mô trong quá trình bệnh lý bằng phương pháp nghiên cứu đại thể và vi thể. Giúp sinh viên hiểu được giá trị cũng như ý nghĩa của xét nghiệm Giải phẫu bệnh đối với các chuyên khoa, từ đó biết cách chỉ định, phân tích kết quả xét nghiệm giải phẫu bệnh giúp cho việc chẩn đoán và điều trị. Thực hành: Quan sát dưới kính hiển vi quang học để nhận định được một số tổn thương cơ bản và một số bệnh thường gặp.

34. Huấn luyện kỹ năng

Học phần Huấn luyện kỹ năng gồm 3 tín chỉ (0/3), được dạy và học ở học kỳ 1 năm học thứ ba.

+ Kỹ năng giao tiếp cơ bản: Gồm các khái niệm cơ bản về kỹ năng đặt câu hỏi, kỹ năng lắng nghe, kỹ năng phản hồi... Kỹ năng hỏi bệnh sử, hỏi tiền sử. Giáo dục sức khỏe cho cá nhân.

+ Kỹ năng thăm khám các cơ quan: Tuần hoàn, tiêu hoá, hô hấp, tiết niệu, toàn thân và chất thải tiết, thần kinh, vận động, khám vú.

+ Phần kỹ năng thuộc ngoại thủ thuật: Dụng cụ phẫu thuật cơ bản, kỹ thuật khâu và buộc chỉ. Xử trí vết thương phân mềm đến sớm. Mở bụng thăm dò dạ dày ruột. Kỹ thuật cố định gãy xương. Kỹ thuật chọc dò dịch màng bụng, chọc hút khí, hút dịch khoang màng phổi.

35. Tổ chức và quản lý y tế - Chương trình y tế quốc gia - Dân số

Học phần Tổ chức và quản lý y tế - Chương trình y tế quốc gia - Dân số gồm 2 tín chỉ (2/0), được dạy và học ở học kỳ 1 của năm học thứ ba.

Học phần Tổ chức - quản lý y tế và Chương trình y tế quốc gia - Dân số gồm 3 phần nội dung cơ bản: Tổ chức - quản lý y tế, Chương trình y tế quốc gia và Dân số.

Phần Tổ chức và quản lý y tế mô tả về tổ chức, nhiệm vụ của hệ thống y tế Việt Nam và chu trình quản lý y tế cơ bản.

Phần Chương trình y tế quốc gia cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình y tế quốc gia tại các tuyến y tế đặc biệt là ở tuyến y tế cơ sở.

Phần Dân số – Sức khỏe sinh sản đề cập đến những vấn đề cơ bản về Dân số - Kế hoạch hóa gia đình và chăm sóc sức khỏe sinh sản, chiến lược Dân số của quốc gia.

36. Thực tập YHDP1

Học phần/module Thực tập Y học dự phòng 1 thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, được dạy - học ở kỳ học 6 (năm thứ 3) của CTĐT. Học phần/module này trang bị cho người học các kỹ năng về tổ chức, quản lý và hoạt động của hệ thống y tế cơ sở, thực hiện chẩn đoán cộng đồng, lập kế hoạch truyền thông và thực hành kỹ năng TT-GDSK. Ngoài ra, sinh viên được rèn luyện thêm các kỹ năng: giao tiếp với người dân, làm việc với cộng đồng, làm việc nhóm, tổ chức triển khai hoạt động chăm sóc sức khỏe, thu thập thông tin, tổng hợp thông tin và viết báo cáo. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thực địa tại cộng đồng, thảo luận nhóm, làm việc nhóm. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm chấm chỉ tiêu cá nhân, báo cáo nhóm với bảng kiểm sử dụng để lượng giá người học.

37. Truyền thông giáo dục và nâng cao sức khỏe

Học phần Truyền thông giáo dục và nâng cao sức khỏe gồm 2 tín chỉ (1/1), được dạy và học ở học kỳ 1 của năm học thứ ba. Học phần này bao gồm 2 tín chỉ: 1 lý thuyết và 1 thực hành. Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về khoa học hành vi, lập kế hoạch TT-GDSK, các phương pháp truyền thông giáo dục sức khỏe và huy động cộng đồng. Về kỹ năng sinh viên được vận dụng kiến thức đã học để lập được 01 bản kế hoạch truyền thông, thực hiện một số phương pháp truyền thông như nói chuyện sức khỏe, thảo luận nhóm, tư vấn tại hộ gia đình, tư vấn tại trạm. Những kiến thức và kỹ năng này rất cần thiết và sẽ được áp dụng nhiều trong vị trí việc làm sau này của một bác sĩ Y học dự phòng tương lai.

38. Phương pháp nghiên cứu khoa học

Học phần Phương pháp nghiên cứu khoa học gồm 2 tín chỉ (1/1), được dạy và học ở học kỳ 1 của năm học thứ tư. Học phần này sinh viên được học những kiến thức cơ bản về nghiên cứu khoa học, sinh viên được thực hành các kỹ năng tính toán cỡ mẫu, xây dựng bộ công cụ thu thập thông tin, phân tích các số liệu và trình bày các bảng biểu đồ thích hợp về kết quả nghiên cứu trong thực hiện nghiên cứu khoa học trong y học.

39. Chẩn đoán hình ảnh

Học phần Chẩn đoán hình ảnh có 2 tín chỉ (1/1), được dạy và học ở kỳ 1 của năm học thứ 6. Học phần giúp sinh viên hiểu được các ưu, nhược điểm của các phương pháp chẩn đoán hình ảnh trong chẩn đoán các bệnh lý, từ đó lựa chọn phương pháp chẩn đoán hình ảnh phù hợp trong chỉ định thăm khám hình ảnh ở các cơ quan. Học phần còn trang bị kiến thức, kỹ năng giúp sinh viên có thể phát hiện, phân tích được các hình ảnh X-quang, siêu âm một số bệnh lý thường gặp hỗ trợ trong chẩn đoán các bệnh lý ở các cơ quan.

Với số tín chỉ 2 (1/1) là phù hợp để sinh viên có thể đáp ứng được các mục tiêu của học phần. Để đáp ứng được mục tiêu của học phần, sinh viên cần học một số học phần tiên quyết như (Giải phẫu, Giải phẫu bệnh, Lý sinh y học), đồng thời song hành với các học phần Nội, Ngoại bệnh lý để sinh viên có thể liên hệ được một số hình ảnh với các bệnh lý thường gặp trên lâm sàng.

40. Ngoại cơ sở lý thuyết

Học phần Ngoại cơ sở lý thuyết gồm 2 tín chỉ (2/0), được dạy và học ở học kỳ 2 của năm học thứ ba. Nội dung học phần bao gồm những kiến thức về cách thăm khám ngoại khoa các hệ cơ quan, các triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng của các hội chứng ngoại khoa thường gặp.

Sinh viên tham gia học phần được lượng giá bằng 1 bài kiểm tra thường xuyên, 1 bài thi giữa học phần và 1 bài thi kết thúc học phần.

Học phần Ngoại cơ sở lý thuyết diễn ra đồng thời cùng với học phần Ngoại cơ sở thực hành. Kì vọng sau khi kết thúc học phần, sinh viên có được kiến thức về cách thăm khám ngoại khoa các hệ cơ quan, các triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng của các hội chứng ngoại khoa thường gặp, giúp thực hành đúng khi đi lâm sàng tại bệnh viện.

41. Ngoại cơ sở thực hành

Học phần Ngoại cơ sở thực hành gồm 2 tín chỉ (0/2), được dạy và học ở học kỳ 2 của năm học thứ ba. Học phần bao gồm các bài giảng thực hành về những kĩ năng phát hiện các điểm đau ngoại khoa, các dấu hiệu bụng ngoại khoa; Kĩ năng khám ngoại khoa các cơ quan; Cách tiếp cận bệnh nhân ngoại khoa, cách thăm khám để phát hiện các triệu chứng lâm sàng các bệnh ngoại khoa thường gặp; Học phần cũng trang bị cho sinh viên những rối loạn cơ năng thường gặp sau phẫu thuật, cách theo dõi bệnh nhân sau phẫu thuật, sau điều trị bằng một số thủ thuật ngoại khoa.

Kì vọng trong quá trình thực tế, sinh viên thu được nhiều kiến thức về lâm sàng phát hiện các triệu chứng ngoại khoa, biết cách theo dõi chăm sóc bệnh nhân sau mổ.

42. Nội cơ sở lý thuyết

Học phần Nội cơ sở lý thuyết gồm 2 tín chỉ (2/0), được dạy và học ở học kỳ 2 của năm học thứ ba.

Học phần cung cấp lý thuyết về triệu chứng học nội khoa một số bệnh lý thường gặp được quy định trong chương trình khung.

43. Nội cơ sở thực hành

Học phần Nội cơ sở thực hành gồm 2 tín chỉ (0/2), được dạy và học ở học kỳ 2 của năm học thứ ba.

Thực hành, hướng dẫn khám trên người bình thường và dạy cách khám bệnh, phát hiện triệu chứng trên bệnh nhân.

44. Nghiên cứu sức khỏe cộng đồng

Học phần phương pháp nghiên cứu sức khỏe cộng đồng được dạy - học ở kỳ học 9 (năm học thứ 5) của CTĐT. Học phần trang bị cho người học kiến thức và kỹ năng về phương pháp nghiên cứu sức khỏe cộng đồng, phương pháp đánh giá nhanh dựa vào cộng đồng để người bác sĩ dự phòng có thể thu thập được các bằng chứng trong

việc phân tích các vấn đề sức khỏe ở cộng đồng cũng như viết báo cáo hay bài báo khoa học về chăm sóc sức khỏe cộng đồng. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thảo luận nhóm, nêu vấn đề hay nghiên cứu trường hợp. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm chấm bài tập cá nhân, tự luận, viết báo cáo.

45. Ngoại bệnh lý lý thuyết 1

Học phần được dạy - học ở kỳ học 7 (năm thứ 4) của CTĐT. Học phần tạo ra môi trường để sinh viên bắt đầu phát triển thành người bác sĩ tận tâm, có hiểu biết cơ bản về các vấn đề sức khỏe thường gặp thuộc chuyên ngành ngoại và làm việc một cách chuyên nghiệp.

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức bệnh học cơ bản về một số cấp cứu và bệnh lý thường gặp vùng bụng và hậu môn, bông và chấn thương cơ quan vận động, đồng thời thực hành các kỹ năng khám lâm sàng, chỉ định và phân tích kết quả cận lâm sàng để lập luận chẩn đoán phân biệt và chẩn đoán xác định các vấn đề sức khỏe đó.

46. Nội bệnh lý lý thuyết 1

Học phần Nội bệnh lý lý thuyết 1 gồm 2 tín chỉ (2/0), được dạy và học ở học kỳ 1 của năm học thứ tư. Là học phần y học lâm sàng giúp sinh viên hình thành năng lực chẩn đoán, điều trị, tiên lượng, phòng bệnh, và tư vấn người bệnh. Đồng thời nâng cao mức độ thành thạo các kỹ năng đã học ở năm 3 như kỹ năng giao tiếp, khai thác bệnh sử, tiền sử, khám bệnh... nâng cao mức tự chủ và tự chịu trách nhiệm. Học phần Nội bệnh lý 1 tập trung vào một số bệnh nội khoa thường gặp và cấp cứu ban đầu.

47. Ngoại bệnh lý thực hành 1

Học phần được dạy - học ở kỳ học 7 (năm thứ 4) của CTĐT. Sinh viên được thực hành một số thủ thuật ngoại khoa cơ bản, phát triển kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm với bạn cùng học, nhân viên y tế, người bệnh, gia đình người bệnh trên cơ sở tôn trọng quyền cá nhân, an toàn người bệnh và lấy người bệnh làm trung tâm.

48. Nội bệnh lý thực hành 1

Học phần Nội bệnh lý thực hành 1 gồm 4 tín chỉ (0/4), được dạy và học ở học kỳ 1 của năm học thứ tư.

Là học phần y học lâm sàng giúp sinh viên thực hành chẩn đoán, điều trị, tiên lượng, phòng bệnh, và tư vấn người bệnh. Giảng viên giảng thực hành, hướng dẫn chẩn đoán bệnh sau khi khám và xét nghiệm bệnh nhân.

49. Dịch tễ 1

Học phần Dịch tễ 1 là học phần bắt buộc gồm 3 tín chỉ (2/1), được dạy và học ở kỳ học 8 (năm học thứ tư).

Học phần Dịch tễ học được trình bày theo hai phần: Phần thứ nhất cung cấp kiến thức mang tính chất nguyên lý, phương pháp luận về dịch tễ học, phương pháp dịch tễ học, về nghiên cứu sức khỏe, xây dựng các giải pháp can thiệp sức khỏe cộng đồng.

Phần thứ 2 cung cấp kiến thức các vấn đề vận dụng và thực hành các vấn đề dịch tễ học, sức khỏe, các bệnh nhiễm khuẩn, không nhiễm khuẩn phổ biến ở Việt Nam.

50. Nhi khoa lý thuyết 1

Học phần gồm 3 tín chỉ (3/0) được dạy ở học kỳ 2 của năm thứ 4. Sinh viên sẽ được học lý thuyết các bài Nhi cơ sở, được tiếp cận với một số bài bệnh học về nhiễm khuẩn hô hấp, tiêu chảy, bệnh lý dinh dưỡng, hội chứng xuất huyết, hội chứng thiếu máu, sử dụng thuốc trong nhi khoa. Trước khi lên lớp sinh viên phải chủ động đọc bài trước và trả lời các câu hỏi do giảng viên yêu cầu. Các bài lý thuyết sẽ được giảng tại giảng đường với phương pháp giảng dạy tích cực.

51. Nhi khoa thực hành 1

Học phần gồm 4 tín chỉ (0/4) được dạy ở học kỳ 2 của năm thứ 4. Phần lâm sàng sinh viên sẽ học tại các bệnh viện thực hành: Bệnh viện A và bệnh viện Gang Thép... Sinh viên được hướng dẫn cách hỏi bệnh, khám bệnh, giao tiếp với bệnh nhân, người nhà bệnh nhân, được hướng dẫn lập luận chẩn đoán tiềm năng và chẩn đoán phân biệt một số bệnh về hô hấp, tiêu hóa, dinh dưỡng, thiếu máu và xuất huyết thường gặp. Sinh viên được hướng dẫn một số thủ thuật cơ bản trong nhi khoa. Sinh viên tham gia trực tối thiểu 1 tuần / buổi. Thời gian còn lại sinh viên sẽ tự học tại buồng bệnh, tham gia thăm khám bệnh nhân, điều trị, tư vấn cho bệnh nhi và người nhà bệnh nhi tại khoa dưới sự giám sát của các bác sĩ, điều dưỡng.

52. Sản khoa lý thuyết 1

Học phần gồm 3 tín chỉ (3/0) được dạy ở học kỳ 2 của năm thứ 4. Học phần sẽ cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về chu kỳ hoạt động sinh dục về sản cơ sở, sản thường, sản khó. Từ những kiến thức này giúp sinh viên giải thích sinh lý trong quá trình mang thai, chuyển dạ và thời kỳ hậu sản, từ đó nhận diện được các bệnh lý của bà mẹ và thai nhi liên quan đến quá trình thai nghén và sinh đẻ. Các kiến thức khi học học phần này giúp sinh viên bắt đầu phát triển thành một người bác sĩ tận tâm, có kiến thức và làm việc chuyên nghiệp.

53. Sản khoa thực hành 1

Học phần gồm 4 tín chỉ (0/4) được dạy ở học kỳ 2 của năm thứ 4. Học lâm sàng ở Bệnh viện Trung Ương Thái Nguyên, Bệnh viện Gang Thép Thái Nguyên từ 7 giờ đến 11 giờ, tham gia trực bệnh viện 1 buổi/tuần từ 19 giờ ngày hôm trước đến 7 giờ ngày hôm sau.

54. Truyền nhiễm

Học phần có 2 tín chỉ (1/1) được học ở kỳ học thứ 9 (năm thứ 5). Học phần đề cập đến một số bệnh truyền nhiễm thường gặp ở các khía cạnh dịch tễ học, triệu chứng, chẩn đoán, biến chứng, điều trị và cách phòng bệnh và một số các hội chứng thường gặp trên lâm sàng. Sinh viên được học lý thuyết trên giảng đường, học thực hành tại bệnh viện, trực tại bệnh viện (hình thức học thực hành: giao ban trực, thảo luận ca bệnh dạy học bên giường bệnh, bình bệnh án...); học phần tạo ra môi trường thuận lợi để sinh viên học tập, rèn luyện, phát triển thành một người bác sĩ vừa hồng, vừa chuyên, có hiểu biết và có khả năng làm việc với bệnh nhân mắc các bệnh truyền nhiễm.

55. Mắt

Học phần Mắt gồm 2 tín chỉ (1/1), được dạy và học ở học kỳ 1 của năm học thứ 5. Học phần bao gồm các bài giảng về một số bệnh thường gặp trong nhãn khoa cộng đồng. Các vấn đề quan trọng được giảng dạy bao gồm giải phẫu và sinh lý mắt, cách

chẩn đoán, điều trị các bệnh mắt thường gặp, mối liên quan giữa các bệnh mắt và các bệnh toàn thân, các chấn thương mắt thường gặp. Sinh viên được hướng dẫn và thực hành các kỹ năng cơ bản về khám và điều trị trong chuyên khoa mắt. Bao gồm cách khám mắt thông thường, đo thị lực, thử kính, đo nhãn áp, đo thị trường ước lượng, cách điều trị, xử trí cấp cứu, cách chăm sóc mắt và cách tuyên truyền tư vấn trong cộng đồng phòng ngừa các bệnh mắt thường gặp.

56. Tai mũi họng

Học phần Tai mũi họng gồm 2 tín chỉ (1/1), được dạy và học ở học kỳ 1 của năm học thứ 5, nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản về: Những bệnh lý thường gặp trong chuyên khoa tai mũi họng; những tai nạn trong sinh hoạt và những chấn thương thường gặp trong chuyên khoa tai mũi họng; một số bệnh ung thư thường gặp trong chuyên khoa tai mũi họng.

57. Sức khỏe môi trường 1

Học phần Sức khỏe môi trường 1 thuộc khối chuyên ngành bắt buộc được dạy - học ở kỳ học 10 (năm thứ 5) của CTĐT.

Môi trường Việt Nam hiện nay đang xuống cấp, cục bộ, có nơi bị hủy hoại nghiêm trọng gây nên sự mất cân bằng sinh thái, sự cạn kiệt tài nguyên làm ảnh hưởng đến sự phát triển của đất nước. Môn học này cung cấp cho sinh viên một số kiến thức cơ bản về thảm họa trong môi trường như các vấn đề về ô nhiễm môi trường, tai biến và sự cố trong môi trường, xung đột trong môi trường, suy thoái và thảm họa trong môi trường như động đất, sóng thần, lũ lụt và các vấn đề tài nguyên năng lượng, dân số môi trường. Môn học này sinh viên học phần lý thuyết và làm bài tập thảo luận, có thời gian tự học theo các chủ đề.

58. Sức khỏe nghề nghiệp 1

Học phần Sức khỏe nghề nghiệp 1 thuộc khối chuyên ngành bắt buộc được dạy - học ở kỳ học 10 (năm thứ 5) của CTĐT. Học phần bao gồm các vấn đề Vệ sinh lao động và bệnh nghề nghiệp với công tác chăm sóc sức khỏe người lao động ở trình độ chuyên sâu với những kiến thức mang tính thực tiễn. Sinh viên học lý thuyết và thực hành.

59. Thực tập YHDP2

Học phần Thực tập Y học dự phòng 2 thuộc khối chuyên ngành bắt buộc được dạy - học ở kỳ học 10 (năm thứ 5) của CTĐT. Học phần trang bị cho người học kỹ năng mức tự chủ và trách nhiệm về các phân tích cơ cấu, tổ chức và đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của khoa, phòng và trung tâm y tế ở tuyến huyện; Thực hiện đầy đủ các chỉ tiêu về sức khỏe môi trường, sức khỏe nghề nghiệp, dinh dưỡng an toàn vệ sinh thực phẩm, dịch tễ học, y học cộng đồng và y xã hội học; Lựa chọn được vấn đề sức khỏe ưu tiên và lập kế hoạch truyền thông giáo dục sức khỏe để giải quyết vấn đề sức khỏe ưu tiên đó tại trung tâm y tế huyện; Viết được báo cáo kết quả thực tập tại TTYT huyện; Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thảo luận nhóm, phân tích vấn đề.

60. Lao và Bệnh phổi

Học phần với số lượng tín chỉ là 2 (1/1) được dạy - học ở kỳ học 10 (năm thứ 5) của CTĐT. Học phần bao gồm các nội dung về chuyên ngành lao: Những nội dung cơ bản của đặc điểm và tình hình bệnh lao hiện nay, các thể lao thường gặp trên lâm sàng, các thuốc điều trị lao thiết yếu và các phác đồ điều trị bệnh lao, các phương pháp phát

hiện sớm và phòng bệnh lao trong cộng đồng. Học phần này cũng giới thiệu về một số xét nghiệm đặc hiệu, xét nghiệm hiện đại trong chẩn đoán và điều trị bệnh lao: xét nghiệm đờm tìm vi khuẩn lao, BACTEC – MGIT, PCR, Xpert MTB/RIF, chụp X-quang phổi phát hiện các tổn thương lao, làm phản ứng mantoux, xét nghiệm máu. Trên cơ sở đó giúp cho sinh viên thu nhận được những kiến thức cần thiết về bệnh lao, nhận thức được mối liên quan giữa môn bệnh học lao với các môn học khác và ứng dụng trong quá trình công tác tại cộng đồng.

61. Sức khỏe tâm thần

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về triệu chứng học tâm thần, các bệnh tâm thần thường gặp, cấp cứu trong tâm thần. Học phần này có mối liên hệ với nhiều học phần khác như giải phẫu, sinh lý hệ thần kinh, sinh hóa, nội khoa cơ sở, thần kinh, nội bệnh lý, và các học phần chuyên khoa khác. Trước khi học học phần Sức khỏe tâm thần, sinh viên cần có các kiến thức về giải phẫu, sinh lý thần kinh, nội khoa cơ sở, tâm lý y đức.

Học phần bao gồm các bài giảng về các triệu chứng, hội chứng tâm thần thường gặp; một số bệnh tâm thần thường gặp trong cộng đồng. Các vấn đề quan trọng được giảng dạy bao gồm: Triệu chứng học tâm thần; Các biểu hiện lâm sàng, hướng chẩn đoán và xử trí ban đầu, tư vấn một số bệnh tâm thần thường gặp; Các biểu hiện lâm sàng, xử trí ban đầu, tư vấn các cấp cứu tâm thần.

Sinh viên được hướng dẫn và thực hành các kỹ năng cơ bản về giao tiếp với bệnh nhân tâm thần và người nhà bệnh nhân; kỹ năng khám phát hiện các biểu hiện rối loạn tâm thần; Kỹ năng đưa ra hướng chẩn đoán, xử trí một số bệnh tâm thần thường gặp và cấp cứu tâm thần; Kỹ năng nhận biết các trường hợp cần chuyển khoa, chuyển tuyến; Kỹ năng tư vấn cho bệnh nhân tâm thần và gia đình trong theo dõi, dự phòng một số bệnh tâm thần thường gặp. .

62. Dịch tễ 2

Học phần trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng về giám sát, phòng chống các bệnh lây truyền (tập trung vào các bệnh truyền nhiễm mới nổi và tái nổi) cũng như về các bệnh không lây phổ biến, các yếu tố ảnh hưởng và giải pháp can thiệp cộng đồng trong phòng chống bệnh. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, bài tập tình huống, thảo luận nhóm và thực hành. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm MCQs, báo cáo chuyên đề, vấn đáp và bảng kiểm.

63. Sức khỏe môi trường 2

Môi trường Việt Nam hiện nay đang xuống cấp, cục bộ, có nơi bị hủy hoại nghiêm trọng gây nên sự mất cân bằng sinh thái, sự cạn kiệt tài nguyên làm ảnh hưởng đến sự phát triển của đất nước. Môn học này cung cấp cho sinh viên một số kiến thức cơ bản về thảm họa trong môi trường như các vấn đề về ô nhiễm môi trường, tai biến và sự cố trong môi trường, xung đột trong môi trường, suy thoái và thảm họa trong môi trường như động đất, sóng thần, lũ lụt và các vấn đề tài nguyên năng lượng, dân số môi trường.

64. Sức khỏe nghề nghiệp 2

Bao gồm các vấn đề Vệ sinh lao động và bệnh nghề nghiệp với công tác chăm sóc sức khỏe người lao động ở trình độ chuyên sâu với những kiến thức mang tính

thực tiễn. Sinh viên học lý thuyết và thực hành. Phần thực hành sẽ có đánh giá cuối bài tính điểm thi giữa học phần. Bài thi kết thúc học phần là bài thi tự luận.

65. Dinh dưỡng và an toàn thực phẩm 2

Học phần Dinh dưỡng và An toàn vệ sinh thực phẩm là học phần bắt buộc gồm 4 tín chỉ (2/2). Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức về Dinh dưỡng và an toàn vệ sinh thực phẩm. Từ đó, sinh viên có khả năng xây dựng một chế độ ăn đầy đủ chất dinh dưỡng và năng lượng cho các đối tượng khác nhau trong cộng đồng, đặc biệt là đối tượng trẻ em dưới 5 tuổi. Đồng thời, sinh viên được trang bị những kiến thức cơ bản nhất để tư vấn dinh dưỡng cho từng đối tượng cụ thể trong cộng đồng cũng như trong bệnh viện. Bên cạnh đó, học phần cũng cung cấp kiến thức về an toàn vệ sinh thực phẩm, một số bệnh lý ngộ độc thực phẩm và những kiến thức về quản lý và thanh, kiểm tra chất lượng an toàn vệ sinh thực phẩm.

66. Da liễu

Học phần Da liễu gồm 2 tín chỉ (1/1), được dạy và học ở học kỳ 1 của năm học thứ n5. Trong học phần này sinh viên sẽ được học lý thuyết và một số buổi tự học và thảo luận có sự hướng dẫn của giáo viên bộ môn về một số chủ đề chính như: Bệnh da có mụn nước, bọng nước: zona, thủy đậu, herpes, các bệnh lý tổn thương vùng miệng như: ung thư, lichen, dị ứng thuốc, giang mai, nấm candida, aphtose...Sau đó SV sẽ đi thực hành tại Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên. Hình thức thực hành: sinh viên sẽ được tham dự các buổi đi buồng, bình bệnh án, thăm khám bệnh nhân hàng ngày và thực hành các kỹ năng lâm sàng trên người bệnh ở các phòng điều trị khoa Da liễu và phòng khám Da liễu. Trong thời gian học học phần này sinh viên sẽ có 1 bài kiểm tra lý thuyết giữa học phần (lấy điểm hệ số 1) và 1 bài kiểm tra các kỹ năng thực hành (lấy điểm hệ số 2). Bài thi kết thúc học phần vào cuối tuần thứ 2, hình thức thi viết.

Hy vọng sau khi kết thúc học phần sinh viên sẽ có khả năng vận dụng các kiến thức lý thuyết đã học để chẩn đoán và điều trị và quản lý cũng như có thể tư vấn giáo dục sức khỏe phòng chống một số bệnh da- niêm mạc thường gặp.

67. Gây mê hồi sức

Học phần gây mê hồi sức tạo ra môi trường để sinh viên bắt đầu có những hiểu biết cơ bản về các phương pháp vô cảm trong phẫu thuật, giảm đau sau mổ.

Học phần bao gồm 1 tín chỉ lý thuyết và 1 tín chỉ thực hành. Học phần cung cấp những kiến thức về các phương pháp vô cảm, phương pháp giảm đau sau mổ trên lâm sàng. Cập nhật kiến thức đa dạng về gây mê hồi sức. Các phương pháp gây mê, gây tê, các phương pháp giảm đau sau mổ, các loại thuốc mê, thuốc tê, các loại dịch truyền sử dụng trong gây mê hồi sức và các tai biến gây mê thường gặp.

68. Pháp y

Học phần cung cấp cho sinh viên khái niệm về môn học, mối quan hệ qua lại giữa y học và pháp luật. Bước đầu hình thành ý thức tuân thủ pháp luật trong khi hành nghề y. Học phần còn cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về y pháp học: tử thi học, chấn thương, độc chất, sinh dục, tử vong do ngạt...

69. Răng hàm mặt

Học phần Răng Hàm Mặt giúp sinh viên hoàn thiện kiến thức và các kỹ năng lâm sàng thuộc khối chuyên khoa.

Học phần Răng hàm mặt gồm 2 tín chỉ (1 tín chỉ lý thuyết và 1 tín chỉ thực hành lâm sàng). Học phần Răng hàm mặt có học phần tiên quyết là các học phần giáo dục đại cương, các học phần y cơ sở.

Sinh viên sẽ được cung cấp những kiến thức cơ bản về: Răng và bộ răng, bệnh sâu răng, bệnh lý tủy và vùng quanh cuống răng, bệnh vùng quanh răng, viêm nhiễm răng miệng- hàm mặt, khe hở môi - vòm miệng, khối u vùng hàm mặt, chấn thương vùng hàm mặt, mối liên quan giữa răng miệng và sức khỏe toàn thân, chăm sóc sức khỏe răng miệng ban đầu. Đồng thời sinh viên còn được hướng dẫn thái độ và kỹ năng cần thiết trong việc khám, phát hiện, ra chỉ định xử trí và tư vấn phòng các bệnh răng hàm mặt thường gặp.

70. Thần kinh

Học phần (HP) này bao gồm 2 tín chỉ (1/1). Học phần Thần kinh có liên hệ với các học phần cơ sở ngành (sinh lý học, giải phẫu..), và các học phần lâm sàng (nội, ngoại cơ sở).

Sinh viên cần phải học các học phần cơ sở ngành, huấn luyện kỹ năng y khoa, các học phần nội, ngoại, sản, nhi cơ sở trước khi học phần Thần kinh. Nội dung học phần Thần kinh bao gồm gồm 2 phần:

* Phần lý thuyết: sinh viên được trang bị các kiến thức về triệu chứng, chẩn đoán, xử trí một số hội chứng và bệnh lý thần kinh thường gặp. Phần lý thuyết sinh viên được học tập trung tại giảng đường 3-4 buổi/tuần; trong 2 tuần đầu của học phần, sinh viên cần đọc trước các bài lý thuyết, chuẩn bị bài thảo luận, làm bài Pretest trước mỗi buổi học.

* Phần thực hành: sinh viên được học thực hành tại khoa Thần kinh và Trung tâm đột quỵ - Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên vào các ngày trong tuần từ thứ hai đến thứ sáu. Sinh viên sẽ được học kỹ năng khám xác định các triệu chứng, hội chứng lâm sàng, thực hành chẩn đoán, xử trí một số tình trạng cấp cứu và bệnh lý thần kinh thường gặp trên các bệnh nhân điều trị nội trú tại khoa. Trong thời gian học tập tại khoa, mỗi sinh viên sẽ phải tham gia trực 1 buổi/ tuần, trong các buổi trực sinh viên tiếp tục thực hành các kỹ năng thăm khám, theo dõi, xử trí các bệnh nhân hình thành kinh nghiệm lâm sàng cho bản thân. Sinh viên sẽ phải phối hợp tốt với bệnh nhân, gia đình bệnh nhân và nhân viên y tế của khoa để hoàn thành tốt nhiệm vụ này.

71. Y học cổ truyền

Học phần Y học cổ truyền là học phần tự chọn gồm 2 tín chỉ (1/1), được dạy và học ở kỳ học 10 (năm học thứ 5).

Học phần gồm có 4 nội dung chính :

+ Châm cứu: Kỹ thuật châm cứu, 70 huyệt thường dùng điều trị một số chứng bệnh thường gặp tại cộng đồng.

+ Xoa bóp bấm huyệt: Kỹ thuật xoa bóp bấm huyệt, xoa bóp bấm huyệt điều trị một số chứng bệnh thường gặp tại cộng đồng.

+Thuốc đông y chữa một số chứng bệnh thường gặp tại cộng đồng.

+ Bệnh học: 8 bệnh chứng thường gặp tại cộng đồng.

72. Ung thư

Học phần Ung thư gồm 2 tín chỉ, bao gồm lý thuyết và thực hành. Để học được học phần này sinh viên bắt buộc phải học qua các học phần y học cơ sở, học qua môn Nội bệnh lý 1, Ngoại bệnh lý 1, Sản phụ khoa 1 và Nhi khoa 1. Sinh viên sẽ được học lý thuyết với nội dung là những kiến thức những kiến thức cơ bản về ung thư đại cương, được tiếp cận với một số bài bệnh học ung thư thường gặp như ung thư vú, ung thư phế quản phổi, ung thư vòm mũi họng. Sinh viên được hướng dẫn cách hỏi bệnh, khám bệnh, giao tiếp với bệnh nhân, người nhà bệnh nhân, được hướng dẫn thực hành các kỹ năng khám lâm sàng, chỉ định và phân tích kết quả cận lâm sàng, lập luận chẩn đoán và lập kế hoạch điều trị một số bệnh ung thư thường gặp. Sinh viên được kiến tập một số thủ thuật cơ bản trong ung thư. Vào mỗi buổi sáng học lâm sàng, sinh viên sẽ tham gia đi buồng với các bác sĩ và nhân viên y tế tại khoa sinh viên thực tập, sau đó sinh viên sẽ được giao ban đầu giờ do các tua trực báo cáo. Mỗi tuần sinh viên sẽ có một buổi học bên giường bệnh, một buổi thảo luận ca bệnh và một buổi bình bệnh án. Sinh viên có trách nhiệm đọc trước các bài theo lịch giảng của bộ môn và tham gia trực tối thiểu 1 buổi/tuần, từ 19 giờ hôm trước đến 07 giờ sáng hôm sau vào các ngày thường và chia 2 ca vào các ngày nghỉ (07 giờ-19 giờ và 19 giờ đến 07 giờ ngày hôm sau). Sau mỗi buổi trực sinh viên phải chuẩn bị báo cáo trong buổi giao ban hôm sau. Thời gian còn lại sinh viên sẽ tự học tại buồng bệnh, tham gia thăm khám bệnh nhân, điều trị, tư vấn cho bệnh nhân và người nhà bệnh nhân tại trung tâm dưới sự giám sát của các bác sĩ, điều dưỡng.

73. Kinh tế y tế - Bảo hiểm y tế

Học phần Kinh tế y tế - Bảo hiểm y tế là học phần tự chọn gồm 2 tín chỉ (1/1), được dạy và học ở học kỳ 1 của năm học thứ sáu. Học phần này cung cấp kiến thức và hướng dẫn sinh viên các nội dung liên quan đến KTYT và BHYT khi thực hành nghề nghiệp.

Phần kinh tế y tế giới thiệu các khái niệm cơ bản của kinh tế học và mối quan hệ giữa kinh tế học và cung cấp dịch vụ y tế, nguồn kinh phí trong y tế, cách tính toán và ý nghĩa của các loại chi phí trong việc cung cấp dịch vụ y tế. Đồng thời hướng dẫn các phương pháp đo lường gánh nặng bệnh tật, định hướng phân tích chi phí – hiệu quả và ứng dụng của nó trong điều kiện nguồn lực khan hiếm.

Ngoài ra, nội dung về bảo hiểm y tế cũng được giới thiệu trong chương trình này.

74. Thực tập YHDP3

Học phần Thực tập YHDP3 (Thực tập tốt nghiệp) thuộc khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc, được dạy - học ở kỳ học 12 (năm thứ 6) của CTĐT. Học phần trang bị cho người học kỹ năng mức tự chủ và trách nhiệm về các phân tích cơ cấu, tổ chức và đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của khoa, phòng và trung tâm kiểm soát bệnh tật (CDC); Thực hiện đầy đủ các chỉ tiêu về sức khỏe môi trường, sức khỏe nghề nghiệp, dinh dưỡng an toàn thực phẩm, dịch tễ học, y học cộng đồng và y xã hội học. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thảo luận nhóm, phân tích vấn đề, bảng kiểm. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm bảng kiểm, báo cáo chuyên đề.

IX. CƠ SỞ THỰC HÀNH CHỦ YẾU

1. Thực tập tiền lâm sàng

Tại các phòng thực tập, phòng thí nghiệm của Trường Đại học Y Dược, Đại học Thái Nguyên, Bệnh viện trung tâm y tế dự phòng, Trung tâm kiểm soát bệnh tật và chi cục an toàn vệ sinh thực phẩm. .

2. Thực hành ở Bệnh viện

Tại Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên, Bệnh viện Trường Đại học Y khoa Thái Nguyên, Bệnh viện A Thái Nguyên, Bệnh viện Gang Thép Thái Nguyên, các Bệnh viện chuyên khoa tại tỉnh Thái Nguyên, các Bệnh viện Huyện thuộc tỉnh Thái Nguyên

4. Thực tế tại cộng đồng

- Tại trung tâm y tế huyện,, trạm y tế các xã của các huyện thuộc tỉnh Thái Nguyên.

- Thực tế tốt nghiệp tại trung tâm tại CDC tỉnh, chi cục thú y của 14 tỉnh từ Thanh Hóa trở ra.

X. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Chương trình bác sỹ y học dự phòng được xây dựng trên cơ sở Thông tư số 01/2012/ TT-BGDĐT, ngày 13/01/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Bộ chương trình khung giáo dục đại học khối ngành Khoa học Sức khỏe, trình độ đại học. Chương trình đã được chuyển đổi sang tín chỉ theo của Bộ Giáo dục và Đào tạo bao gồm 182 tín chỉ.

2. Sắp xếp nội dung và quỹ thời gian

Nội dung Chương trình đào tạo được sắp xếp các khối kiến thức theo thứ tự: Khối kiến thức giáo dục đại cương – Kiến thức cơ sở ngành – Khối kiến thức chuyên ngành – Thực tập tốt nghiệp

Trên cơ sở chương trình đào tạo của Nhà trường, với sự hướng dẫn của Phòng Đào tạo và cố vấn học tập, sinh viên hoàn toàn chủ động trong việc xác định tiến trình học tập của bản thân.

3. Phương pháp dạy học

Chiến lược giảng dạy và học tập tiếp cận dựa trên chuẩn đầu ra, ở cấp độ chương trình, từ chuẩn đầu ra mong đợi của chương trình đào tạo, thiết kế chuẩn đầu ra của sinh viên, thiết kế chuẩn đầu ra học phần. Dựa trên chuẩn đầu ra này xây dựng kế hoạch giảng dạy, tiến trình giảng dạy, đề cương môn học, phương pháp giảng dạy, phương pháp học tập và các công cụ đánh giá, tài liệu dạy học. Sau khi kết thúc học phần tiến hành đánh giá học phần và tiến đến đánh giá chương trình để tiến hành cải tiến chuẩn đầu ra chương trình.

Các phương pháp dạy học

- Phương pháp giảng dạy lấy sinh viên làm trung tâm.
- Hình thức giảng dạy: giảng dạy trực tiếp, trực tuyến.
- Phương pháp giảng dạy: thuyết trình, thảo luận nhóm, câu hỏi, nghiên cứu tình huống, giảng tại phòng thực hành, cầm tay chỉ việc, bảng kiểm....phù hợp với giảng



lý thuyết/thực hành, giúp sinh viên dần tiếp cận với việc áp dụng kiến thức vào giải quyết tình huống cụ thể.

4. Thực tập

- Thực tập tiền lâm sàng: Tại các phòng thực tập, thí nghiệm của Trường, Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên

- Thực tập tiền lâm sàng: Tại trung tâm Skillab của trường

- Thực hành tại bệnh viện: Tại các cơ sở thực hành chính như Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên, Bệnh viện A, Bệnh viện C Thái Nguyên, Bệnh viện trường Đại học Y Dược, các Bệnh viện chuyên khoa tại Thái Nguyên.

- Thực tế tốt nghiệp tại trung tâm kiểm soát bệnh tật (CDC) và các chi cục an toàn vệ sinh thực phẩm.

- Thực tế cộng đồng : Tại cộng đồng, tại các trạm y tế xã, các trung tâm y tế huyện thuộc địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

5. Kiểm tra, thi

Phương pháp đánh giá sinh viên dựa trên chuẩn đầu ra học phần, và chuẩn đầu ra học phần phản ánh mức độ đạt được của chuẩn đầu ra chương trình đào tạo. Việc đánh giá này phải đảm bảo tính giá trị, tin tưởng và công bằng. Đánh giá sinh viên bao gồm kiểm tra thường xuyên, thi giữa học phần và thi kết thúc học phần. Các phương pháp đánh giá bao gồm: trắc nghiệm khách quan nhiều lựa chọn, tự luận, bài kiểm tra ngắn, báo cáo thực tế tốt nghiệp, khóa luận tốt nghiệp, kiểm tra thực hành, phân tích tình huống, OSCE... Việc cho điểm, phản hồi của giảng viên, sinh viên được thực hiện theo quy định của Trường.

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

PGS.TS. Nguyễn Trọng Hiếu

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Nguyễn Tiến Dũng